

2020/3/19

召開股東大會公佈

證券 編碼	證券 種類	單位	匯交所	最後登記日	除權日	目的	會議時間	會議地點
VOC	普通股	10,000 越南盾	HNX	2020/4/1	2020/5/31	召開2020年的股東年度大會	2020/4/21	Phòng họp 2104, Tầng 21, Tòa nhà Vinacomex, 34 Lê Lợi, Hà Nội
VHB	普通股	10,000 越南盾	HNX	2020/4/1	2020/5/31	召開2020年的股東年度大會	2020/4/25	Tòa sở chính Công ty cổ phần Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam, số 277 đường Van Xuan, xã Hòa Mỹ, huyện Duy Phước, thành phố Hòa Ninh, Việt Nam
CBO	普通股	10,000 越南盾	HNX	2020/4/3	2020/4/2	召開2020年的股東年度大會	預計 2020/4/27	再通知
HIS	普通股	10,000 越南盾	HNX	2020/3/31	2020/5/30	召開2020年的股東年度大會	再通知	Tầng 9, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, TP.Hà Nội
NTH	普通股	10,000 越南盾	HNX	2020/4/3	2020/4/2	召開2020年的股東年度大會	2020/4/24	預計在：Khách sạn Trung tâm (Central Hotel), 01 Lê Lợi - TP.Quảng Ngãi
KTT	普通股	10,000 越南盾	HNX	2020/4/3	2020/4/2	召開2020年的股東年度大會	再通知	再通知
KDM	普通股	10,000 越南盾	HNX	2020/3/31	2020/5/30	召開2020年的股東年度大會	再通知	再通知
MBS	普通股	10,000 越南盾	HNX	2020/4/13	2020/4/10	召開2020年的股東年度大會	再通知	再通知
LCC	普通股	10,000 越南盾	HSX	2020/4/6	2020/4/5	召開2020年的股東年度大會	再通知	再通知
SKO	普通股	10,000 越南盾	HSX	2020/4/10	2020/4/9	召開2020年的股東年度大會	再通知	再通知
HAI	普通股	10,000 越南盾	HSX	2020/4/6	2020/4/5	召開2020年的股東年度大會	再通知	再通知
TRC	普通股	10,000 越南盾	HSX	2020/4/3	2020/4/1	召開2020年的股東年度大會	預計 2020年4月內	Văn phòng Công ty (Quốc lộ 22B, Ấp Đa Hòa, xã Hiệp Thành, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh)
THI	普通股	10,000 越南盾	HSX	2020/4/3	2020/4/1	召開2020年的股東年度大會	2020/4/18	Tại Cao ốc Văn phòng SCPC, Tầng 4, số 30-32 Yersin, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP.HCM
ROS	普通股	10,000 越南盾	HSX	2020/4/1	2020/5/31	召開2020年的股東年度大會	再通知	再通知
VND	普通股	10,000 越南盾	HSX	2020/4/3	2020/4/1	召開2020年的股東年度大會	再通知	再通知
OIL	普通股	10,000 越南盾	HSX	2020/3/25	2020/5/24	召開2020年的股東年度大會	2020/4/20	Tại Công ty, Cam Công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp Hòa Dịch, Khu phố Thống Chi, phường Hòa Dịch, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu
FTT	普通股	10,000 越南盾	HSX	2020/4/1	2020/5/31	召開2020年的股東年度大會	預計 2020/4/24	Tầng 05, tòa nhà Times Towers, HACC1 Complex, số 25 Lê Văn Lương, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
BVR	普通股	10,000 越南盾	HSX	2020/4/1	2020/5/31	召開2020年的股東年度大會	預計 2020/4/28	在河內